

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61/2007/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/2005/QĐ-BTC ngày 11/4/2005
của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành mức thu lệ phí cấp
giấy phép tần số vô tuyến điện và phí sử dụng
tần số vô tuyến điện.**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP
ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ
cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-
CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ
phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày
06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày
03/6/2002 của Chính Phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2004/NĐ-CP
ngày 14/01/2004 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Pháp
lệnh bưu chính, viễn thông về tần số vô
tuyến điện;*

*Sau khi có ý kiến của Bộ Bưu chính
Viễn thông tại công văn số 611/BBCVT -
KHTC ngày 30/3/2007 về việc sửa đổi,
bổ sung Quyết định số 22/2005/QĐ-BTC
ban hành mức lệ phí cấp giấy phép tần
số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô
tuyến điện;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài
chính doanh nghiệp,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều
của Quyết định số 22/2005/QĐ-BTC
ngày 11/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài
chính ban hành mức thu lệ phí cấp giấy

phép tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện như sau:

1. Bổ sung điểm g vào khoản 2, Điều 2 như sau:

“2. Tạm thời không thu phí sử dụng đối với những đối tượng sau:

...

g) Đài phát sóng vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá chỉ làm việc ở

các băng tần quy định cho phương tiện nghề cá.”

2. Sửa đổi điểm 1 và điểm 2 mục XII phần “B. Phí sử dụng tần số” trong Biểu mức thu phí, lệ phí tần số vô tuyến điện (Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2005/QĐ-BTC ngày 11/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) thành điểm 1 mới như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Mức thu 12 tháng (1.000 đồng)
XII	Thông tin di động và các hệ thống thông tin cấu trúc mạng tế bào:	
1	Hệ thống viễn thông di động công cộng (tính trên mỗi MHz thuộc băng tần phát của trạm gốc, trên phạm vi toàn quốc):	
	- Đối với các băng tần dành cho giao diện vô tuyến sử dụng phương thức song công phân chia theo tần số (FDD).	2.600.000/1 MHz
	- Đối với các băng tần dành cho giao diện vô tuyến sử dụng phương thức song công phân chia theo thời gian (TDD).	1.300.000/1 MHz

3. Sửa đổi điểm 8, mục XII, phần “B. Phí sử dụng tần số” trong Biểu mức thu phí, lệ phí tần số vô tuyến điện (Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2005/QĐ-BTC ngày 11/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Mức thu 12 tháng (1.000 đồng)
8	Mạng thông tin lưu động dùng riêng: Tính trên mỗi tần số phát được cấp để sử dụng trong mạng và theo đơn vị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc theo phạm vi hoạt động (*):	

Số TT	Chỉ tiêu	Mức thu 12 tháng (1.000 đồng)
8.1	- Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.	15.000/1 tần số
	- Đà Nẵng, Hải Phòng, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai	10.000/1 tần số
	- Các tỉnh khác.	5.000/1 tần số
8.2	- Lưu động khu vực miền Bắc (gồm các tỉnh từ Ninh Bình, Hòa Bình, Sơn La trở ra); hoặc lưu động khu vực miền Trung (gồm các tỉnh từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, Lâm Đồng, Đắk Lắk); hoặc lưu động khu vực miền Nam (gồm các tỉnh từ Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu trở vào);	30.000/1 tần số
	- Lưu động trong phạm vi toàn quốc;	50.000/1 tần số
8.3	Đối với các mạng lưu động liên tỉnh hoặc liên khu vực thì áp dụng mức thu thấp nhất theo cách tính quy định tại điểm 8.1 hoặc 8.2 mục này.	
8.4	- Mạng nội bộ (chỉ gồm các thiết bị có công suất phát $P \leq 5w$); Mạng dùng chung tần số.	Bằng 10% mức phí tương ứng

(*): Mức phí quy định tại điểm này được tính với độ rộng kênh là 25 kHz. hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Đối với độ rộng kênh là 12,5 kHz tính bằng 70% mức phí tương ứng; Đối với độ rộng kênh là 6,25 kHz tính bằng 50% mức phí tương ứng.

Đối với giấy phép tần số vô tuyến điện đã được cấp phép trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng vẫn còn thời hạn sử dụng sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không truy

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi

thu, truy hoàn phần chênh lệch phí, lệ phí tần số vô tuyến điện theo quy định tại Quyết định này.

Những nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 22/2005/QĐ-BTC ngày 11/4/2005 và Quyết định số 66/2006/QĐ-BTC ngày 20/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc điều

chỉnh mức nộp ngân sách nhà nước từ các khoản thu lệ phí cấp giấy phép và phí sử dụng tần số vô tuyến điện quy định tại Quyết định số 22/2005/QĐ-BTC ngày 11/4/2005./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà